

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 18  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2025/HS-ST  
Ngày: 08-9-2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Thế Chính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Thành Tâm.

Ông Lương Thanh Nhân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2025/TLST-HS ngày 17 tháng 4 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2025/HSST-QĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2025/HSST-QĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2025/HSST-QĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 10/TB-TA ngày 05/9/2025 đối với bị cáo:

*Họ và tên bị cáo:* P, sinh năm 2000 tại G. Hộ khẩu thường trú: Làng B, xã I, huyện I, tỉnh G (nay là xã I, tỉnh G); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Gia Rai; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông R (đã chết) và bà P1; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 12/2020/HS-ST ngày 07/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh G) xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh G) xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/01/2025 cho đến nay (Chấp hành án tại Trại giam Đắc Tân theo Quyết định số: 5570/QĐ-C10-P2 ngày 23/5/2025 của Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng - Bộ Công an); có mặt.

*Bị hại:* Ông Huỳnh Văn N, sinh năm 2000; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C (nay là xã L, tỉnh C); có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Bà Trần Thị A, sinh năm 1975; địa chỉ: Ấp Nhà P, xã T, huyện C, tỉnh C (nay là xã L, tỉnh C); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.
2. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh C (nay là xã L, tỉnh C); có mặt.

*Người làm chứng:*

1. Ông Danh T1, sinh năm 1998; vắng mặt.
2. Ông Nguyễn Ngọc Đ1, sinh năm 2009; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

P và ông Huỳnh Văn N cùng làm bảo vệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam có quan hệ quen biết nhau.

Khoảng 16 giờ, ngày 27/10/2024, P xin ứng tiền lương của Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam không được nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số: 69AD-108.58 của ông N bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, P đã thay đồng phục bảo vệ rồi đi bộ từ Nhà trọ Đ3, Đường DB10, Khu phố 3, phường M, thành phố B, tỉnh B (nay là khu phố Mỹ Phước, phường Bến Cát, thành phố Hồ Chí Minh) đến Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam. Khoảng 17 giờ 20 phút cùng ngày, P đi vào bên trong Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam gặp ông N đang trực bảo vệ cùng ông Danh Trắng và ông Nguyễn Ngọc Điện. P hỏi mượn xe mô tô biển số 69AD-108.58 của ông N để đi về phòng trọ của P lấy phích nước rồi quay lại trả xe thì ông N đồng ý giao xe cho P mượn. P điều khiển xe mô tô biển số 69AD-108.58 chạy trốn. Trên đường chạy trốn, P điều khiển xe mô tô biển số 69AD-108.58 đến tiệm cầm đồ (không rõ tên, địa chỉ) gần Khu công N Đ 3 thuộc thành phố Đ, tỉnh B (nay phường B, tỉnh Đ). P gặp người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch nói dối xe của P mua nhưng chưa làm thủ tục sang tên và bán được số tiền 3.000.000 đồng và tiêu xài hết.

Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 07/11/2024, ông Huỳnh Văn N không thấy P trở lại trả xe nên đến Đoàn Công an Khu công N Mỹ Phước trình báo. Vụ việc được chuyển giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Cát giải quyết theo thẩm quyền.

Theo Kết luận định giá tài sản số 152/KL-HĐĐGTS ngày 09/12/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Bến Cát kết luận 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số: 69AD-108.58, số máy: G3D4E644558, số khung: RLCUG0610JY618834 đã qua sử dụng trị giá 16.660.000 đồng.

Xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 69AD-108.58, số máy: G3D4E644558, số khung: RLCUG0610JY618834 do bà Trần Thị A đứng tên giùm bà Trần Thị Đ. Khoảng tháng 4/2024, bà Trần Thị Đ cho ông Huỳnh Văn N xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 69AD-108.58 sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tại Cáo trạng số 108/CT-VKSBC ngày 15/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo P về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo P từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo P phải bồi thường cho ông Huỳnh Văn N số tiền 20.000.000 đồng.

Bị cáo không tham gia tranh luận.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng xin lỗi đối với bị hại và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bà Trần Thị A, ông Danh T1 và ông Nguyễn Ngọc Đ1 vắng mặt. Xét sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng không gây trở ngại cho việc xét xử, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 và Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về nội dung vụ án: Khoảng 17 giờ 20 phút ngày 27/10/2024 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S Việt Nam thuộc Khu công N Mỹ Phước 2, Khu phố 3, phường M, thành phố B, tỉnh B (nay là khu phố A phường B, thành phố H), bị cáo P có hành vi gian dối mượn chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter biển số 69AD-108.58 trị giá 16.660.000 đồng của ông Huỳnh Văn N đi về phòng trọ lấy phích nước rồi quay lại trả xe. Tuy nhiên, P đã đem xe mô tô của ông N đi bán cho người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) được số tiền 3.000.000 đồng và tiêu xài hết.

[4] Xét bị cáo có hành vi gian dối, chiếm đoạt tài sản của bị hại trị giá 16.660.000 đồng. Do đó, Cáo trạng số 108/CT-VKSBC ngày 15/4/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương (nay là Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh) truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi gian dối chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo từng nhiều lần bị xét xử về hành vi chiếm đoạt, Hội đồng xét xử căn cứ bị cáo bằng hình phạt nghiêm mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo đang bị tạm giam, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Cần buộc bị cáo P bồi thường cho bị hại Huỳnh Văn N số tiền 20.000.000 đồng.

[10] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt, trách nhiệm dân sự đối với bị cáo là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về án phí sơ thẩm:

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 và khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo P phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo P 18 (mười tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 12 (mười hai) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2025/HS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện I, tỉnh G (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - tỉnh G), buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14/01/2025.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Buộc bị cáo P bồi thường cho ông Huỳnh Văn N số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo P phải nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo P phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- CQCSĐT - Công an TP. Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- PV06 Công an Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 18 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS Khu vực 18 - Tp. Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Thế Chính**